



DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.sch.3609.1991>

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG DẠY HỌC CỦA CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC Ở PHƯỜNG HÒA LỢI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Phan Trọng Nam^{1*}, Nguyễn Phùng Khánh² và Nguyễn Thị Nhân³

¹*Phòng Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam*

²*Phòng Quản lý Đào tạo, Bồi dưỡng và Nghiên cứu, Trường Chính trị Nghệ An, Việt Nam*

³*Học viên cao học, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam*

**Tác giả liên hệ, Email: ptnam@dthu.edu.vn*

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 13/6/2026; Ngày nhận chỉnh sửa: 11/7/2026; Ngày duyệt đăng: 16/7/2026

Tóm tắt

Nghiên cứu nhằm đánh giá thực trạng và đề xuất biện pháp quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tại các trường tiểu học phường Hòa Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu sử dụng các phương pháp phân tích tài liệu, điều tra bằng bảng hỏi, phỏng vấn, quan sát, nghiên cứu hồ sơ và thống kê toán học. Kết quả cho thấy hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin và công tác quản lý được đánh giá ở mức khá; các nhà trường đã quan tâm lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá và bảo đảm các điều kiện triển khai. Tuy nhiên, việc thực hiện giữa các tổ chuyên môn chưa đồng đều; tiêu chí kiểm tra, đánh giá, cơ sở vật chất, hạ tầng mạng và học liệu số vẫn cần tiếp tục hoàn thiện. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất sáu biện pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số giáo dục.

Từ khóa: *Chuyển đổi số, công nghệ thông tin, hoạt động dạy học, quản lý giáo dục, trường tiểu học.*

Trích dẫn: Phan, T. N., Nguyễn, P. K., & Nguyễn, T. N. (2026). Quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học của các trường tiểu học ở phường Hòa Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 15(04S), 13-26. <https://doi.org/10.52714/dthu.sch.3609.1991>

Copyright © 2026 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

MANAGEMENT OF INFORMATION AND COMMUNICATION TECHNOLOGY APPLICATION IN TEACHING AT PRIMARY SCHOOLS IN HOA LOI WARD, HO CHI MINH CITY

Phan Trong Nam^{1*}, Nguyen Phung Khanh², and Nguyen Thi Nhan³

¹*Research Affairs Office, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

²*Office of Training, Professional Development and Research, Nghe An School of Politics, Vinh, Nghe An 460000, Vietnam*

³*Postgraduate, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

**Corresponding author: Email: ptnam@dthu.edu.vn*

Article history

Received: 13/6/2026; Received in revised form: 11/7/2026; Accepted: 16/7/2026

Abstract

This study examines the current status of managing the application of Information and Communication Technology (ICT) in teaching at primary schools in Hoa Loi Ward, Ho Chi Minh City; thereby, proposing appropriate management measures for improvement. The study employed document analysis, questionnaire surveys, interviews, classroom observations, document review, and statistical analysis. The findings indicate that both ICT application in teaching and its management were rated at a fairly good level. Schools have paid sufficient attention to planning, organizing, directing, inspecting, evaluating, and ensuring the necessary conditions for implementation. However, implementation remains uneven across professional teams, while evaluation criteria, facilities, network infrastructure, and digital learning resources still require further improvement. Accordingly, the study proposes six management measures to enhance the effectiveness of ICT application in teaching and meet the requirements of digital transformation in education.

Keywords: *Digital transformation, educational management, ICT application, primary schools, teaching activities.*

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trở thành yêu cầu quan trọng đối với đổi mới giáo dục. Việc khai thác thiết bị công nghệ, phần mềm dạy học, học liệu số và các nền tảng trực tuyến góp phần đổi mới phương pháp, nâng cao hiệu quả kiểm tra, đánh giá và phát triển phẩm chất, năng lực người học.

Ở cấp tiểu học, ứng dụng CNTT có ý nghĩa đặc biệt vì đây là giai đoạn hình thành nền tảng kiến thức, kỹ năng và năng lực học tập của học sinh. CNTT giúp giáo viên tăng tính trực quan, tổ chức hoạt động học tập sinh động, hỗ trợ quản lý lớp học và tăng cường phối hợp với cha mẹ học sinh. Tuy nhiên, hiệu quả ứng dụng CNTT không chỉ phụ thuộc vào năng lực giáo viên và điều kiện cơ sở vật chất mà còn chịu tác động trực tiếp của công tác quản lý nhà trường, từ lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đến bảo đảm các điều kiện triển khai.

Tại các trường tiểu học phường Hòa Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học đã được quan tâm và từng bước triển khai. Tuy nhiên, thực tiễn vẫn còn một số hạn chế như hạ tầng công nghệ chưa đồng bộ, năng lực ứng dụng CNTT của giáo viên chưa đồng đều, học liệu số còn hạn chế và công tác quản lý chưa thật sự thống nhất, hiệu quả.

Xuất phát từ thực tiễn trên, nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng ứng dụng CNTT và quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học tại các trường tiểu học phường Hòa Lợi; từ đó đề xuất các biện pháp quản lý phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng dạy học và đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số giáo dục.

2. Tổng quan lý thuyết và nghiên cứu liên quan

2.1. Tổng quan lý thuyết

Ứng dụng CNTT trong dạy học là việc sử dụng các thiết bị, phần mềm, nền tảng số và học liệu điện tử nhằm hỗ trợ tổ chức hoạt động dạy học, kiểm tra, đánh giá và quản lý lớp học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số giáo dục.

Quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học được hiểu là quá trình tác động có mục đích của cán bộ quản lý nhằm bảo đảm việc ứng dụng CNTT được triển khai hiệu quả trong nhà trường. Trong nghiên cứu này, hoạt động quản lý được tiếp cận theo các chức năng cơ bản gồm: lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá và quản lý các điều kiện bảo đảm. Đây cũng là khung lý thuyết được sử dụng để khảo sát thực trạng và đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học tại các trường tiểu học phường Hòa Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Nghiên cứu liên quan

Ở nước ngoài, Anderson và Dexter (2005) khẳng định school technology leadership có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả ứng dụng công nghệ trong nhà trường; vai trò lãnh đạo của hiệu trưởng tác động mạnh hơn điều kiện trang thiết bị trong thúc đẩy giáo viên ứng dụng CNTT. Hew và Brush (2007) tổng hợp các nghiên cứu về integrating technology into K-12 teaching and learning, chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng gồm nguồn lực, năng lực giáo viên, niềm tin sư phạm, thời gian, hỗ trợ kỹ thuật, chính sách nhà trường và công tác lãnh đạo. Ertmer và Ottenbreit-Lefewich (2010) cho rằng việc thay đổi hành vi ứng dụng CNTT của giáo viên chịu tác động đồng thời bởi kiến thức, sự tự tin, niềm tin nghề nghiệp và văn hóa tổ chức.

Nghiên cứu của Peeraer và Van Petegem (2011) phản ánh thực trạng ứng dụng CNTT trong đào tạo giáo viên tại Việt Nam, cho thấy khoảng cách giữa chính sách và điều kiện triển khai. Tiếp đó, Peeraer và Van Petegem (2012) khẳng định hiệu quả triển khai chính sách CNTT phụ thuộc vào năng lực đội ngũ, cơ sở vật chất và công tác quản lý của nhà trường. Tondeur

& cs. (2008) nhấn mạnh vai trò của chính sách nhà trường đối với mức độ tích hợp CNTT trong lớp học. Sau đó, Tondeur & cs. (2017) thông qua tổng quan hệ thống tiếp tục khẳng định mối quan hệ giữa quan điểm sư phạm của giáo viên với việc sử dụng công nghệ, đồng thời nhấn mạnh vai trò của lãnh đạo và phát triển chuyên môn.

Các nghiên cứu gần đây tiếp tục làm rõ vai trò của lãnh đạo nhà trường trong chuyển đổi số giáo dục. Rojas Briñez & cs. (2023) xác định bảy nhóm hoạt động của lãnh đạo nhằm hỗ trợ ICT integration at schools, bao gồm lập kế hoạch, hỗ trợ nguồn lực, phát triển chuyên môn, tăng cường hợp tác và giám sát. Nhlumayo (2024) cho thấy chiến lược lãnh đạo của hiệu trưởng trường tiểu học chịu ảnh hưởng bởi nhận thức, kinh nghiệm tập huấn và năng lực sử dụng CNTT của chính người lãnh đạo. Yang & cs. (2025) kết luận rằng principals' technology leadership thúc đẩy tích hợp CNTT thông qua xây dựng tầm nhìn, phân bổ nguồn lực và phát triển năng lực giáo viên. Durnali & cs. (2025) phát triển thang đo Leadership for Technology Integration Scale (LETIS-SP) nhằm đánh giá năng lực lãnh đạo trong hỗ trợ tích hợp công nghệ. Gần đây nhất, Hsieh & cs. (2026) chứng minh professional learning communities là cơ chế quan trọng giúp phong cách lãnh đạo của hiệu trưởng tác động đến mức độ sử dụng CNTT trong dạy học.

Ở Việt Nam, Phạm và Nguyễn (2020) phân tích quá trình chuyển đổi chính sách về ứng dụng CNTT trong dạy học và cho rằng hiệu quả triển khai phụ thuộc vào sự đồng bộ giữa chính sách, hạ tầng công nghệ, năng lực giáo viên và công tác quản lý nhà trường. Liêm & cs. (2020) khảo sát giáo viên tiểu học tại thành phố Cần Thơ, chỉ ra những khó khăn về thiết bị, học liệu số và năng lực ứng dụng CNTT, đồng thời đề xuất tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và bồi dưỡng giáo viên.

Các nghiên cứu về quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học chủ yếu tập trung ở giáo dục phổ thông. Lê và Phạm (2024), Lê (2024) và Nguyễn và Phạm (2024) đều đánh giá công tác quản lý theo các chức năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo, kiểm tra và bảo đảm các điều kiện triển khai; đồng thời đề xuất tăng cường bồi dưỡng đội ngũ, đầu tư cơ sở vật chất và hoàn thiện cơ chế quản lý. Đối với cấp tiểu học, Phan & cs. (2026) cho thấy hoạt động ứng dụng CNTT và công tác quản lý được đánh giá ở mức khá, song vẫn còn hạn chế trong ứng dụng CNTT vào kiểm tra, đánh giá, tổ chức hoạt động học tập và khai thác các nền tảng số; từ đó đề xuất các biện pháp quản lý theo các chức năng quản lý cơ bản.

Nhìn chung, các nghiên cứu đã làm rõ vai trò của lãnh đạo nhà trường, năng lực giáo viên, chính sách và các điều kiện bảo đảm đối với hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học. Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu nào tập trung vào quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học tại các trường tiểu học phường Hòa Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng và đề xuất các biện pháp quản lý phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, góp phần nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT trong dạy học và đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số giáo dục.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận

Các phương pháp phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa, khái quát hóa, so sánh và đối chiếu được sử dụng để nghiên cứu các tài liệu khoa học, văn bản pháp lý và công trình trong, ngoài nước liên quan đến ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học ở trường tiểu học. Kết quả nghiên cứu lý luận được dùng để xây dựng khung nghiên cứu, thiết kế công cụ khảo sát và xác định các nội dung đánh giá thực trạng.

3.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi được sử dụng làm phương pháp chủ đạo. Khảo sát

được thực hiện đối với 95 cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn và giáo viên tại các trường tiểu học phường Hòa Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh, gồm 2 cán bộ quản lý, 14 tổ trưởng chuyên môn/nhóm trưởng và 79 giáo viên. Bảng hỏi khảo sát về: nhận thức đối với vai trò của ứng dụng CNTT; thực trạng ứng dụng CNTT trong dạy học; thực trạng quản lý theo các nội dung lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo, kiểm tra - đánh giá và quản lý các điều kiện bảo đảm.

Bảng hỏi được thiết kế theo thang đo Likert 5 mức, trong đó mức 1 phản ánh mức đánh giá thấp nhất và mức 5 phản ánh mức đánh giá cao nhất. Khảo sát được thực hiện trực tuyến thông qua Google Forms tại địa chỉ: <https://forms.gle/1tRDLCMR7nbECtEy7>.

Bên cạnh đó, nghiên cứu sử dụng phương pháp phỏng vấn cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn và giáo viên để bổ sung thông tin định tính; phương pháp quan sát một số hoạt động dạy học có ứng dụng CNTT; và phương pháp nghiên cứu hồ sơ, tài liệu như kế hoạch năm học, kế hoạch ứng dụng CNTT, báo cáo chuyên môn, hồ sơ dạy học, biên bản sinh hoạt chuyên môn và sản phẩm số của giáo viên.

3.3. Phương pháp thống kê toán học

Dữ liệu khảo sát được xuất sang Microsoft Excel để làm sạch, mã hóa và tính điểm trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn (ĐLC). Giá trị trung bình được diễn giải theo năm khoảng: 1,00-1,80; 1,81-2,60; 2,61-3,40; 3,41-4,20; và 4,21-5,00, tương ứng với các mức từ thấp nhất đến cao nhất đối với từng loại thang đo về tầm quan trọng, mức độ thực hiện hoặc sử dụng, mức độ đáp ứng, hiệu quả. Kết quả định lượng được đối chiếu với dữ liệu phỏng vấn, quan sát và hồ sơ để nâng cao tính khách quan và độ tin cậy của nghiên cứu.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học của các trường tiểu học phường Hòa Lợi

Kết quả khảo sát cho thấy hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học tại các trường tiểu học phường Hòa Lợi được đánh giá ở mức khá, với hầu hết các nội dung có ĐTB nằm trong khoảng 3,41-4,20, tương ứng mức thực hiện thường xuyên theo thang đo của nghiên cứu. Điều này cho thấy giáo viên đã từng bước đưa CNTT vào các hoạt động dạy học và nhận thức rõ vai trò của CNTT trong thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 gắn với yêu cầu chuyển đổi số.

Về nhận thức, cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn và giáo viên đều đánh giá cao vai trò của CNTT trong dạy học, với ĐTB từ 4,15 đến 4,25, thuộc mức quan trọng đến rất quan trọng. Trong đó, nội dung "Ứng dụng CNTT có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 gắn với yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục" đạt ĐTB cao nhất (ĐTB = 4,25), phản ánh sự thống nhất cao về vai trò của CNTT trong đổi mới giáo dục.

Về nội dung ứng dụng CNTT, giáo viên đã triển khai khá thường xuyên việc thiết kế bài giảng điện tử, sử dụng học liệu số, ứng dụng CNTT trong kiểm tra, đánh giá và phối hợp với phụ huynh. Trong đó, ứng dụng CNTT trong kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh đạt ĐTB cao nhất (ĐTB = 4,00), trong khi tổ chức các hoạt động học tập có ứng dụng CNTT đạt thấp nhất (ĐTB = 3,78), cho thấy việc khai thác CNTT để tăng cường tính tích cực và tương tác của học sinh vẫn cần được quan tâm hơn.

Về phương pháp ứng dụng CNTT, giáo viên đã bước đầu vận dụng CNTT để đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh. Nội dung sử dụng CNTT để xây dựng và giải quyết các tình huống có vấn đề trong dạy học đạt ĐTB cao nhất (ĐTB = 4,13), trong khi sử dụng CNTT hỗ trợ học sinh tự học, tự khám phá kiến thức

đạt thấp nhất (ĐTB = 3,87), phản ánh việc phát huy năng lực tự học của học sinh thông qua CNTT chưa thật sự đồng đều.

Về hình thức ứng dụng CNTT, các trường đã triển khai tương đối đa dạng như dạy học trực tiếp có ứng dụng CNTT, dạy học trực tuyến, dạy học kết hợp, tổ chức hoạt động trải nghiệm và trao đổi với học sinh, phụ huynh qua các nền tảng số. Trong đó, tổ chức hoạt động trải nghiệm, thực hành có ứng dụng CNTT đạt ĐTB cao nhất (ĐTB = 3,98). Tuy nhiên, việc triển khai dạy học trực tuyến và dạy học kết hợp vẫn chịu ảnh hưởng bởi điều kiện hạ tầng công nghệ và năng lực ứng dụng CNTT của giáo viên.

Về điều kiện bảo đảm, các trường đã quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ, học liệu số và tổ chức bồi dưỡng giáo viên. Nội dung các chương trình tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực ứng dụng CNTT được đánh giá cao nhất (ĐTB = 4,02), trong khi cơ sở vật chất, trang thiết bị CNTT và điều kiện về thời gian, khối lượng công việc có ĐTB thấp hơn, phản ánh những khó khăn nhất định trong việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện phục vụ ứng dụng CNTT.

Về hiệu quả ứng dụng CNTT, các đối tượng khảo sát đều cho rằng CNTT đã góp phần nâng cao hiệu quả tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá và quản lý hoạt động dạy học. Nội dung ứng dụng CNTT góp phần nâng cao hiệu quả kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh đạt ĐTB cao nhất (ĐTB = 4,01), trong khi ứng dụng CNTT góp phần nâng cao chất lượng và kết quả học tập của học sinh đạt thấp nhất (ĐTB = 3,81). Kết quả này cho thấy CNTT đã hỗ trợ tích cực cho quá trình dạy học, song để tạo chuyển biến rõ nét hơn về kết quả học tập của học sinh cần tiếp tục hoàn thiện các điều kiện bảo đảm và nâng cao năng lực ứng dụng CNTT của đội ngũ giáo viên.

Nhìn chung, hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học tại các trường tiểu học phường Hòa Lợi đã được triển khai khá đồng bộ trên các phương diện nhận thức, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, điều kiện bảo đảm và hiệu quả thực hiện. Tuy nhiên, vẫn cần tiếp tục tăng cường ứng dụng CNTT trong tổ chức hoạt động học tập, phát triển năng lực tự học của học sinh, đồng thời đầu tư hoàn thiện hạ tầng công nghệ và bồi dưỡng năng lực số cho giáo viên nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu chuyển đổi số giáo dục

4.2. Thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học của các trường tiểu học phường Hòa Lợi

4.2.1. Thực trạng công tác lập kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin

Bảng 1. Kết quả đánh giá về công tác lập kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy học

TT	Nội dung đánh giá	ĐTB	ĐLC
1	Xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT trong dạy học theo năm học của nhà trường	3,91	0,69
2	Kế hoạch ứng dụng CNTT được xây dựng gắn với mục tiêu đổi mới giáo dục và chuyển đổi số	4,05	0,67
3	Kế hoạch xác định rõ mục tiêu, nội dung, chỉ tiêu và lộ trình thực hiện	4,00	0,73
4	Kế hoạch được xây dựng trên cơ sở thực trạng đội ngũ, cơ sở vật chất và điều kiện của nhà trường	4,03	0,76

TT	Nội dung đánh giá	ĐTB	ĐLC
5	Có sự tham gia của tổ chuyên môn và giáo viên trong quá trình xây dựng kế hoạch	3,98	0,79
6	Kế hoạch được rà soát, điều chỉnh kịp thời phù hợp với thực tiễn triển khai	4,01	0,76

Kết quả Bảng 1 cho thấy công tác lập kế hoạch ứng dụng CNTT trong dạy học tại các trường tiểu học phường Hòa Lợi được đánh giá ở mức khá, với ĐTB dao động từ 3,91 đến 4,05. Điều này phản ánh các nhà trường đã quan tâm xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT gắn với mục tiêu đổi mới giáo dục và chuyển đổi số.

Trong các nội dung khảo sát, "Kế hoạch ứng dụng CNTT được xây dựng gắn với mục tiêu đổi mới giáo dục và chuyển đổi số" đạt ĐTB cao nhất (ĐTB = 4,05), tiếp theo là "Kế hoạch được xây dựng trên cơ sở thực trạng đội ngũ, cơ sở vật chất và điều kiện của nhà trường" (ĐTB = 4,03), "Kế hoạch được rà soát, điều chỉnh kịp thời" (ĐTB = 4,01) và "Kế hoạch xác định rõ mục tiêu, nội dung, chỉ tiêu và lộ trình thực hiện" (ĐTB = 4,00). Nội dung "Có sự tham gia của tổ chuyên môn và giáo viên trong quá trình xây dựng kế hoạch" đạt ĐTB = 3,98, trong khi "Xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT theo năm học" có điểm thấp nhất (ĐTB = 3,91), cho thấy việc cụ thể hóa kế hoạch hằng năm vẫn cần tiếp tục hoàn thiện. Độ lệch chuẩn từ 0,67 đến 0,79 phản ánh sự thống nhất khá cao trong ý kiến của các đối tượng khảo sát.

Kết quả phỏng vấn CBQL4 và TTCM5 cho thấy các trường đã xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT thông qua kế hoạch năm học, kế hoạch chuyên môn và kế hoạch chuyển đổi số; đồng thời lồng ghép các hoạt động bồi dưỡng giáo viên, xây dựng học liệu số và sinh hoạt chuyên môn. Tuy nhiên, việc cụ thể hóa kế hoạch ở từng tổ chuyên môn và bảo đảm các điều kiện thực hiện vẫn còn một số hạn chế.

Nhìn chung, công tác lập kế hoạch ứng dụng CNTT trong dạy học tại các trường tiểu học phường Hòa Lợi đã được triển khai tương đối bài bản, tạo nền tảng cho việc tổ chức và quản lý hoạt động ứng dụng CNTT hiệu quả hơn trong thời gian tới.

4.2.2. Thực trạng tổ chức triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy học

Bảng 2. Kết quả đánh giá về thực trạng tổ chức triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy học

TT	Nội dung đánh giá	ĐTB	ĐLC
1	Triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT trong dạy học đến các tổ chuyên môn và giáo viên	3,83	0,72
2	Phân công nhiệm vụ cụ thể cho cán bộ quản lý, tổ chuyên môn và giáo viên trong việc thực hiện ứng dụng CNTT	3,89	0,76
3	Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực ứng dụng CNTT cho giáo viên	3,97	0,79
4	Huy động, bố trí và sử dụng hiệu quả các nguồn lực (thiết bị, học liệu số, hạ tầng CNTT) phục vụ dạy học	3,98	0,77
5	Tổ chức phối hợp giữa các bộ phận trong nhà trường (ban giám hiệu, tổ chuyên môn, giáo viên) trong triển khai ứng dụng CNTT	3,93	0,76

TT	Nội dung đánh giá	ĐTB	ĐLC
6	Hỗ trợ, hướng dẫn giáo viên trong quá trình ứng dụng CNTT vào dạy học	3,89	0,76

Kết quả Bảng 2 cho thấy công tác tổ chức triển khai ứng dụng CNTT trong hoạt động dạy học tại các trường tiểu học phường Hòa Lợi được đánh giá ở mức khá, với ĐTB dao động từ 3,83 đến 3,98. Điều này cho thấy các nhà trường đã quan tâm triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT, phân công nhiệm vụ và huy động các nguồn lực phục vụ dạy học.

Nội dung "Huy động, bố trí và sử dụng hiệu quả các nguồn lực phục vụ dạy học" đạt điểm cao nhất (ĐTB = 3,98), tiếp theo là "Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực ứng dụng CNTT cho giáo viên" (ĐTB = 3,97). Nội dung "Tổ chức phối hợp giữa các bộ phận trong nhà trường" đạt ĐTB = 3,93, trong khi "Phân công nhiệm vụ cụ thể" và "Hỗ trợ, hướng dẫn giáo viên" cùng đạt ĐTB = 3,89. Nội dung có điểm thấp nhất là "Triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT đến các tổ chuyên môn và giáo viên" (ĐTB = 3,83), phản ánh việc triển khai giữa các đơn vị chưa thật sự đồng đều. Độ lệch chuẩn dao động từ 0,72 đến 0,79, cho thấy sự thống nhất khá cao trong ý kiến đánh giá.

Kết quả phỏng vấn CBQL5, TTCM5 và TTCM6 cho thấy các nhà trường đã triển khai ứng dụng CNTT thông qua phân công nhiệm vụ, sinh hoạt chuyên môn, tập huấn, xây dựng học liệu số và hỗ trợ giáo viên trong quá trình thực hiện. Tuy nhiên, hiệu quả triển khai vẫn chịu ảnh hưởng bởi điều kiện cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ và năng lực ứng dụng CNTT của đội ngũ giáo viên. Vì vậy, cần tiếp tục nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các bộ phận và tăng cường hỗ trợ giáo viên nhằm nâng cao chất lượng ứng dụng CNTT trong dạy học.

4.2.3. Thực trạng công tác chỉ đạo, điều hành ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy học

Bảng 3. Kết quả đánh giá về thực trạng chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy học

TT	Nội dung đánh giá	ĐTB	ĐLC
1	Ban giám hiệu chỉ đạo thống nhất việc ứng dụng CNTT trong dạy học trong toàn trường	3,86	0,68
2	Việc chỉ đạo ứng dụng CNTT được thực hiện thường xuyên, liên tục trong năm học	3,91	0,69
3	Ban giám hiệu hướng dẫn cụ thể cho giáo viên về nội dung và cách thức ứng dụng CNTT trong dạy học	3,97	0,69
4	Theo dõi, điều hành quá trình triển khai ứng dụng CNTT trong dạy học của giáo viên	4,04	0,70
5	Kịp thời điều chỉnh hoạt động ứng dụng CNTT phù hợp với thực tiễn dạy học	3,99	0,76
6	Thực hiện động viên, khuyến khích giáo viên tích cực ứng dụng CNTT trong dạy học	4,04	0,68

Kết quả Bảng 3 cho thấy công tác chỉ đạo, điều hành ứng dụng CNTT trong hoạt động dạy học tại các trường tiểu học phường Hòa Lợi được đánh giá ở mức khá, với ĐTB dao động từ 3,86 đến 4,04. Điều này cho thấy ban giám hiệu đã quan tâm chỉ đạo, theo dõi và hỗ trợ việc ứng dụng CNTT trong dạy học.

Trong các nội dung khảo sát, "Theo dõi, điều hành quá trình triển khai ứng dụng CNTT trong dạy học của giáo viên" và "Thực hiện động viên, khuyến khích giáo viên tích cực ứng dụng CNTT trong dạy học" đạt điểm cao nhất (ĐTB = 4,04). Tiếp theo là "Kịp thời điều chỉnh hoạt động ứng dụng CNTT phù hợp với thực tiễn dạy học" (ĐTB = 3,99) và "Ban giám hiệu hướng dẫn cụ thể cho giáo viên" (ĐTB = 3,97). Nội dung "Việc chỉ đạo ứng dụng CNTT được thực hiện thường xuyên" đạt ĐTB = 3,91, trong khi "Ban giám hiệu chỉ đạo thống nhất việc ứng dụng CNTT trong toàn trường" có điểm thấp nhất (ĐTB = 3,86), phản ánh việc triển khai giữa các tổ chuyên môn chưa thật sự đồng đều. Độ lệch chuẩn dao động từ 0,68 đến 0,76, cho thấy sự thống nhất khá cao trong ý kiến đánh giá.

Kết quả phỏng vấn CBQL5 và TTCM5 cho thấy ban giám hiệu đã chỉ đạo thông qua xây dựng kế hoạch, tổ chức sinh hoạt chuyên môn, tập huấn, dự giờ, kiểm tra và hỗ trợ giáo viên ứng dụng CNTT. Tuy nhiên, việc chỉ đạo còn gặp khó khăn do cơ sở vật chất, thiết bị và năng lực ứng dụng CNTT của giáo viên chưa đồng đều. Vì vậy, các nhà trường cần tiếp tục tăng cường sự thống nhất trong chỉ đạo, phát huy vai trò của tổ chuyên môn và hoàn thiện cơ chế hỗ trợ nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học.

4.2.4. Thực trạng công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy học

Bảng 4. Kết quả đánh giá về thực trạng kiểm tra, đánh giá việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy học

TT	Nội dung đánh giá	ĐTB	ĐLC
1	Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá việc ứng dụng CNTT trong dạy học	3,91	0,74
2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ việc ứng dụng CNTT của giáo viên	3,97	0,69
3	Nội dung kiểm tra, đánh giá phù hợp với mục tiêu ứng dụng CNTT trong dạy học	3,88	0,78
4	Sử dụng đa dạng các hình thức kiểm tra, đánh giá (dự giờ, hồ sơ, sản phẩm số...)	3,96	0,78
5	Phản hồi kết quả kiểm tra, đánh giá kịp thời cho giáo viên	3,96	0,82
6	Sử dụng kết quả kiểm tra, đánh giá để điều chỉnh và cải tiến hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học	3,98	0,76

Kết quả Bảng 4 cho thấy công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá việc ứng dụng CNTT trong hoạt động dạy học tại các trường tiểu học phường Hòa Lợi được đánh giá ở mức khá, với ĐTB dao động từ 3,88 đến 3,98. Điều này phản ánh các nhà trường đã quan tâm thực hiện kiểm tra, đánh giá nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT trong dạy học.

Trong các nội dung khảo sát, "Sử dụng kết quả kiểm tra, đánh giá để điều chỉnh và cải tiến hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học" đạt điểm cao nhất (ĐTB = 3,98), tiếp theo là "Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ việc ứng dụng CNTT của giáo viên" (ĐTB = 3,97). Hai nội dung "Sử dụng đa dạng các hình thức kiểm tra, đánh giá" và "Phản hồi kết quả kiểm tra, đánh giá kịp thời cho giáo viên" cùng đạt ĐTB = 3,96. Nội dung "Nội dung kiểm tra, đánh giá phù hợp với mục tiêu ứng dụng CNTT trong dạy học" có điểm thấp nhất (ĐTB = 3,88), cho thấy tiêu chí và nội dung đánh giá vẫn cần tiếp tục hoàn thiện. Độ lệch chuẩn dao động từ 0,69 đến 0,82, phản ánh sự thống nhất khá cao trong ý kiến của các đối tượng khảo sát.

Kết quả phỏng vấn CBQL6 và TTCM6 cho thấy công tác kiểm tra được thực hiện thường xuyên thông qua dự giờ, kiểm tra hồ sơ chuyên môn, đánh giá bài giảng điện tử và sản phẩm số; kết quả được sử dụng để góp ý, hỗ trợ giáo viên và điều chỉnh hoạt động quản lý. Tuy nhiên, các nhà trường cần tiếp tục hoàn thiện tiêu chí đánh giá, tăng cường phản hồi sau kiểm tra và phát huy hiệu quả sử dụng kết quả đánh giá nhằm nâng cao chất lượng ứng dụng CNTT trong dạy học.

4.2.5. Thực trạng quản lý các điều kiện bảo đảm ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy học

Bảng 5. Kết quả đánh giá về thực trạng quản lý các điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy học

TT	Nội dung đánh giá	ĐTB	ĐLC
1	Quản lý việc đầu tư, trang bị cơ sở vật chất, thiết bị CNTT phục vụ dạy học	3,93	0,66
2	Quản lý việc khai thác, sử dụng và bảo trì thiết bị CNTT trong nhà trường	3,94	0,74
3	Quản lý việc xây dựng, khai thác và sử dụng học liệu số phục vụ dạy học	4,01	0,68
4	Quản lý việc sử dụng kinh phí cho hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học	4,00	0,68
5	Quản lý công tác bồi dưỡng, phát triển năng lực ứng dụng CNTT cho giáo viên	3,98	0,76
6	Đảm bảo các điều kiện về cơ chế, tổ chức và môi trường hỗ trợ ứng dụng CNTT trong dạy học	4,02	0,67

Kết quả Bảng 5 cho thấy công tác quản lý các điều kiện bảo đảm ứng dụng CNTT trong hoạt động dạy học tại các trường tiểu học phường Hòa Lợi được đánh giá ở mức khá, với ĐTB dao động từ 3,93 đến 4,02. Nội dung "Đảm bảo các điều kiện về cơ chế, tổ chức và môi trường hỗ trợ ứng dụng CNTT trong dạy học" đạt điểm cao nhất (ĐTB = 4,02), tiếp theo là "Quản lý việc xây dựng, khai thác và sử dụng học liệu số phục vụ dạy học" (ĐTB = 4,01) và "Quản lý việc sử dụng kinh phí cho hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học" (ĐTB = 4,00). Nội dung "Quản lý việc đầu tư, trang bị cơ sở vật chất, thiết bị CNTT phục vụ dạy học" có điểm thấp nhất (ĐTB = 3,93), phản ánh việc đầu tư và đồng bộ hóa cơ sở vật chất vẫn cần tiếp tục được quan tâm. Độ lệch chuẩn từ 0,66 đến 0,76 cho thấy sự thống nhất khá cao trong ý kiến đánh giá.

Kết quả phỏng vấn CBQL7, TTCM7, GVTH6 và GVTH7 phù hợp với kết quả khảo sát. Các ý kiến đều cho rằng nhà trường đã quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng mạng, học liệu số và bồi dưỡng giáo viên nhằm hỗ trợ ứng dụng CNTT trong dạy học. Tuy nhiên, vẫn còn một số khó khăn như thiết bị chưa đồng bộ, đường truyền Internet chưa ổn định, học liệu số còn hạn chế và kinh phí đầu tư chưa đáp ứng yêu cầu. Vì vậy, các nhà trường cần tiếp tục tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, nâng cấp hạ tầng công nghệ, phát triển học liệu số và bồi dưỡng năng lực ứng dụng CNTT cho giáo viên để đáp ứng tốt hơn yêu cầu chuyển đổi số giáo dục.

4.3. Đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường tiểu học phường Hòa Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh

4.3.1. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn và giáo viên về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học

- Mục tiêu của biện pháp: Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn và giáo viên về vai trò của ứng dụng CNTT trong đổi mới dạy học, đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và chuyển đổi số giáo dục.

- Nội dung của biện pháp: Tuyên truyền, quán triệt các chủ trương về chuyển đổi số; làm rõ vai trò của CNTT trong tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá và quản lý lớp học; xác định trách nhiệm của từng lực lượng; khuyến khích giáo viên chủ động tự học, khai thác học liệu số và đổi mới phương pháp dạy học.

- Cách thức thực hiện: Lồng ghép nội dung vào kế hoạch năm học, sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề và bồi dưỡng thường xuyên; tổ chức tọa đàm, chia sẻ kinh nghiệm, dự giờ và giới thiệu các mô hình ứng dụng CNTT hiệu quả; thực hiện khen thưởng, biểu dương các tập thể và cá nhân tiêu biểu.

- Điều kiện thực hiện: Ban giám hiệu chỉ đạo thống nhất; tổ chuyên môn phát huy vai trò hỗ trợ; bảo đảm hạ tầng CNTT, học liệu số và cơ chế khuyến khích phù hợp.

4.3.2. Đổi mới công tác lập kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học gắn với chuyển đổi số giáo dục

- Mục tiêu của biện pháp: Đổi mới công tác lập kế hoạch ứng dụng CNTT theo hướng khoa học, khả thi và phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

- Nội dung của biện pháp: Xây dựng kế hoạch trên cơ sở đánh giá thực trạng đội ngũ, cơ sở vật chất và nhu cầu ứng dụng CNTT; xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ, nguồn lực và tiêu chí đánh giá; cụ thể hóa đến từng tổ chuyên môn và giáo viên.

- Cách thức thực hiện: Ban giám hiệu tổ chức rà soát thực trạng, lấy ý kiến tổ chuyên môn và giáo viên trước khi xây dựng kế hoạch; triển khai thống nhất trong toàn trường; thường xuyên theo dõi, kiểm tra và điều chỉnh kế hoạch phù hợp với thực tiễn.

- Điều kiện thực hiện: Có đầy đủ thông tin về đội ngũ, cơ sở vật chất và nhu cầu ứng dụng CNTT; bảo đảm hạ tầng công nghệ, học liệu số, kinh phí và sự phối hợp của các lực lượng trong nhà trường.

4.3.3. Tổ chức bồi dưỡng năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cho giáo viên theo nhu cầu thực tiễn

- Mục tiêu của biện pháp: Nâng cao năng lực ứng dụng CNTT của giáo viên, đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học và chuyển đổi số giáo dục.

- Nội dung của biện pháp: Khảo sát nhu cầu bồi dưỡng; tập trung phát triển kỹ năng thiết kế bài giảng điện tử, khai thác học liệu số, sử dụng nền tảng dạy học, công cụ kiểm tra, đánh giá và ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ dạy học.

- Cách thức thực hiện: Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng theo từng chuyên đề; kết hợp tập huấn, sinh hoạt chuyên môn, dự giờ, chia sẻ kinh nghiệm và tự học; phát huy vai trò giáo viên cốt cán và đánh giá kết quả thông qua sản phẩm, mức độ vận dụng trong thực tiễn.

- Điều kiện thực hiện: Có kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên; bảo đảm thiết bị, hạ tầng CNTT, kinh phí; phát huy vai trò của tổ chuyên môn và giáo viên cốt cán.

4.3.4. Chỉ đạo đổi mới phương pháp, hình thức dạy học có ứng dụng công nghệ thông tin

- Mục tiêu của biện pháp: Nâng cao hiệu quả chỉ đạo đổi mới phương pháp và hình thức dạy học có ứng dụng CNTT theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

- Nội dung của biện pháp: Chỉ đạo giáo viên sử dụng CNTT để tổ chức hoạt động học tập, kiểm tra, đánh giá và tương tác với học sinh; khuyến khích xây dựng, chia sẻ học liệu số và vận dụng các phương pháp dạy học tích cực.

- Cách thức thực hiện: Đưa nội dung đổi mới phương pháp dạy học vào kế hoạch chuyên môn; tổ chức chuyên đề, thao giảng, dự giờ, rút kinh nghiệm; xây dựng kho học liệu số dùng chung và đưa tiêu chí ứng dụng CNTT vào đánh giá hoạt động chuyên môn.

- Điều kiện thực hiện: Ban giám hiệu chỉ đạo thường xuyên; bảo đảm thiết bị, hạ tầng CNTT và học liệu số; giáo viên chủ động đổi mới và có sự phối hợp của phụ huynh khi cần thiết.

4.3.5. Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học

- Mục tiêu của biện pháp: Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá theo hướng khách quan, thường xuyên và hỗ trợ phát triển năng lực ứng dụng CNTT của giáo viên.

- Nội dung của biện pháp: Xây dựng tiêu chí đánh giá phù hợp; đa dạng hóa hình thức kiểm tra thông qua dự giờ, hồ sơ chuyên môn, bài giảng điện tử, học liệu số và sản phẩm dạy học; sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh hoạt động quản lý và bồi dưỡng giáo viên.

- Cách thức thực hiện: Xây dựng kế hoạch kiểm tra theo từng học kỳ; kết hợp kiểm tra định kỳ với kiểm tra thường xuyên; tổ chức góp ý sau dự giờ và sử dụng kết quả kiểm tra để điều chỉnh kế hoạch, bồi dưỡng đội ngũ.

- Điều kiện thực hiện: Có bộ tiêu chí đánh giá rõ ràng; cán bộ quản lý và tổ trưởng chuyên môn có năng lực đánh giá; bảo đảm đầy đủ minh chứng và môi trường chuyên môn khuyến khích chia sẻ, cải tiến.

4.3.6. Tăng cường quản lý các điều kiện bảo đảm ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học

- Mục tiêu của biện pháp: Bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị, hạ tầng công nghệ, học liệu số và nguồn lực phục vụ hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học.

- Nội dung của biện pháp: Quản lý đồng bộ việc đầu tư, khai thác, sử dụng và bảo trì thiết bị; xây dựng kho học liệu số; quản lý hiệu quả kinh phí, phần mềm và hạ tầng mạng; huy động các nguồn lực phục vụ chuyển đổi số.

- Cách thức thực hiện: Rà soát hiện trạng, xây dựng kế hoạch đầu tư và bảo trì thiết bị; ban hành quy định quản lý, sử dụng thiết bị và học liệu số; chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kho học liệu; bố trí lực lượng hỗ trợ kỹ thuật và huy động các nguồn lực hợp pháp.

- Điều kiện thực hiện: Có sự chỉ đạo thống nhất của ban giám hiệu; bảo đảm kinh phí, hạ tầng CNTT và đội ngũ hỗ trợ kỹ thuật; phát huy vai trò của tổ chuyên môn, giáo viên và nhân viên phụ trách CNTT trong quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả các điều kiện bảo đảm.

5. Kết luận và hàm ý quản lý

Kết quả nghiên cứu cho thấy hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học tại các trường

tiểu học phường Hòa Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh đã được triển khai tương đối đồng bộ và đạt mức khá. Công tác quản lý ở các khâu lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá và bảo đảm các điều kiện hỗ trợ đều được quan tâm, góp phần thúc đẩy giáo viên ứng dụng CNTT trong đổi mới phương pháp dạy học. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế như công tác lập kế hoạch chưa thật sự sát thực tiễn, việc chỉ đạo chưa đồng đều giữa các tổ chuyên môn, tiêu chí kiểm tra, đánh giá cần tiếp tục hoàn thiện và điều kiện về cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ, học liệu số vẫn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu chuyển đổi số giáo dục.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất sáu biện pháp quản lý gồm: nâng cao nhận thức và trách nhiệm của đội ngũ; đổi mới công tác lập kế hoạch; tổ chức bồi dưỡng năng lực ứng dụng CNTT theo nhu cầu thực tiễn; chỉ đạo đổi mới phương pháp, hình thức dạy học có ứng dụng CNTT; đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá; và tăng cường quản lý các điều kiện bảo đảm ứng dụng CNTT trong dạy học. Các biện pháp có mối quan hệ bổ trợ lẫn nhau và cần được triển khai đồng bộ, phù hợp với điều kiện thực tế của từng nhà trường.

Kết quả nghiên cứu là cơ sở tham khảo cho các trường tiểu học và cơ quan quản lý giáo dục trong việc xây dựng kế hoạch, tổ chức và hoàn thiện công tác quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và thực hiện hiệu quả chuyển đổi số trong giáo dục phổ thông. Đồng thời, nghiên cứu cũng gợi mở hướng tiếp tục đánh giá hiệu quả triển khai các biện pháp quản lý tại những địa bàn và cấp học khác nhằm bổ sung cơ sở thực tiễn cho lĩnh vực quản lý giáo dục.

Tài liệu tham khảo

- Anderson, R. E., & Dexter, S. (2005). School technology leadership: An empirical investigation of prevalence and effect. *Educational Administration Quarterly*, 41(1), 49-82. <https://doi.org/10.1177/0013161X04269517>
- Durnali, M., Limon, İ., & Dağdeviren Ertaş, B. (2025). Development and initial validation of leadership for technology integration scale in schools. *International Journal of Educational Studies and Policy*, 6(1), 51-71. <https://doi.org/10.5281/zenodo.15075270>
- Ertmer, P. A., & Ottenbreit-Leftwich, A. T. (2010). Teacher technology change: How knowledge, confidence, beliefs, and culture intersect. *Journal of Research on Technology in Education*, 42(3), 255-284. <https://doi.org/10.1080/15391523.2010.10782551>
- Hew, K. F., & Brush, T. (2007). Integrating technology into K-12 teaching and learning: Current knowledge gaps and recommendations for future research. *Educational Research Review*, 2(1), 1-21. <https://doi.org/10.1016/j.edurev.2006.11.001>
- Hsieh, C.-C., Song, Y., Li, H.-C., & Lee, M.-H. (2026). Professional learning communities make a difference: Impact of leadership style on ICT use in teaching. *Education and Information Technologies*. Advance online publication. <https://doi.org/10.1007/s10639-026-14059-0>
- Lê, N. H., & Phạm, M. G. (2024). Thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường trung học phổ thông quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(02S), 41-51. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.02S.2024.1332>
- Lê, T. N. M. (2024). Thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường trung học cơ sở huyện Tân Phú Đông, Tiền Giang. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(03S), 223-231. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.03S.2024.1421>

- Liêm, L. T. T., Hòn, N. T., Anh, S. K., Tiến, C. H., & Kim, N. T. B. (2020). Hiện trạng và giải pháp nâng cao ứng dụng phương tiện CNTT vào hoạt động dạy học của giáo viên - Nghiên cứu tại một số trường tiểu học ở TP. Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 56(1), 187–194. <https://doi.org/10.22144/ctu.jvn.2020.019>
- Nguyễn, T. V., & Phạm, M. G. (2024). Thực trạng và biện pháp quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường trung học cơ sở huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(02S), 110-123. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.02S.2024.1361>
- Nhlumayo, B. (2024). Rural primary school principals' leadership strategies for ICT integration. *Research in Social Sciences and Technology*, 9(1), 171-184. <https://doi.org/10.46303/ressat.2024.10>
- Peeraer, J., & Van Petegem, P. (2011). ICT in teacher education in an emerging developing country: Vietnam's baseline situation at the start of "The Year of ICT". *Computers & Education*, 56(4), 974-982. <https://doi.org/10.1016/j.compedu.2010.11.015>
- Peeraer, J., & Van Petegem, P. (2012). Information and communication technology in teacher education in Vietnam: From policy to practice. *Educational Research for Policy and Practice*, 11(2), 89-103. <https://doi.org/10.1007/s10671-011-9106-9>
- Phạm, T. T. H., & Nguyễn, Đ. N. (2020). Policy transformations about ICT applying in learning and teaching in Vietnam. *VNU Journal of Science: Education Research*, 36(4), 18-28. <https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4457>
- Phan, T. N., Trần, T. L., Nguyễn, L. H. B. N., & Tạ, T. T. T. (2026). Quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học của các trường tiểu học ở phường Long Hoa, tỉnh Tây Ninh. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 15(02S), 194-208. <https://doi.org/10.52714/dthu.sch.3422.1932>
- Rojas Briñez, D. K., Duarte, J. M., & Galvis Panqueva, Á. H. (2023). Findings and derived challenges concerning how school leaders should support ICT integration at schools. *School Leadership & Management*, 43(5), 497-524. <https://doi.org/10.1080/13632434.2023.2237514>
- Tondeur, J., Van Keer, H., Van Braak, J., & Valcke, M. (2008). ICT integration in the classroom: Challenging the potential of a school policy. *Computers & Education*, 51(1), 212-223. <https://doi.org/10.1016/j.compedu.2007.05.003>
- Tondeur, J., van Braak, J., Ertmer, P. A., & Ottenbreit-Leftwich, A. (2017). Understanding the relationship between teachers' pedagogical beliefs and technology use in education: A systematic review of qualitative evidence. *Educational Technology Research and Development*, 65(3), 555-575. <https://doi.org/10.1007/s11423-016-9481-2>
- Yang, Q., Alias, B. S., & Nor, M. Y. M. (2025). Principals' technology leadership and teachers' ICT integration: A systematic review on capacity building for quality improvement and sustainable education. *International Journal of Learning, Teaching and Educational Research*, 24(9), 211-234. <https://doi.org/10.26803/ijlter.24.9.11>